TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 196/2023/HC-PT

Ngày: 28/3/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 516/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2022/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2510/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Khúc Thị A sinh năm 1945; địa chỉ: Tổ 89, khu 8, phường A1, thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trần Thị B sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 7B, Khu 9B, phường B1, thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2023); có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: Thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hữu C là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố A2 (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2020); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn D là Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố A2; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường D1: Ông Nông Vũ E là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường D1 (Văn bản ủy quyền ngày 25/02/2022); có mặt.

2. Ông Trần Danh F sinh năm 1942; địa chỉ: Tổ 89, khu 8, phường A1, thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Danh F: Bà Trần Thị B sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 7B, Khu 9B, phường B1, thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2023); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Khúc Thị A là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Khúc Thị A trình bày:

Gia đình bà là chủ sử dụng thửa đất có diện tích 1.703,6m^2 tại tổ 12B, khu 4B, phường D1, thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh. Nguồn gốc thửa đất được hình thành như sau: Trước năm 1980 do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng bà đã khai hoang phục hóa diện tích 1.061,2m^2 để làm vườn trồng cây lâu năm. Từ năm 1993

đến năm 1998, gia đình bà khai hoang thêm diện tích 353m^2 của Hợp tác xã M1 bỏ hoang hóa vì ngập mặn để trồng cây lâu năm. Sau năm 2011, gia đình bà tiếp tục khai hoang thêm 254,6m^2 để làm vườn trồng cây lâu năm. Năm 2017, gia đình bà đổ đất lấn bãi triều diện tích 35m^2 và bị xử phạt hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 124/QĐ-XPVPHC ngày 22/8/2017 của UBND phường D1 với lí do chiếm đất diện tích 35m^2 đất bãi triều do Nhà nước quản lý.

Khi Nhà nước làm đường nâng cấp Quốc lộ 18A, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố A2 đã thu hồi vĩnh viễn diện tích 132,8m^2 vào năm 2000 và 1.225,7m^2 vào năm 2019. Tổng diện tích bị thu hồi là 1.358,8m^2. Diện tích đất còn lại thuộc quyền sử dụng, quản lý của gia đình bà từ trước năm 1980 đến sau năm 1998 là 55,7m^2 và diện tích đất sử dụng từ năm năm 2011 đến năm 2017 của bà là 289,6m^2. Tuy nhiên, khi thu hồi đất của gia đình bà thì UBND thành phố A2 lại cho rằng đất của gia đình bà không đủ điều kiện để bồi thường hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật. Tại Bản chứng nhận nhà đất, đối tượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 04/3/2019 của UBND phường D1 và trong Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND thành phố A2 đã phủ nhận toàn bộ quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình bà từ trước những năm 1980 đến sau năm 1998 đã nêu trên. UBND thành phố A2 ban hành Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Trần Danh F - Khúc Thị A (sau đây viết tắt là Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 19/11/2019) theo đó không bồi thường về đất, không công nhận quyền sử dụng đất diện tích đất còn lại cho gia đình bà là không đúng với các quy định của pháp luật.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu: Hủy toàn bộ Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 19/11/2019. Yêu cầu UBND thành phố A2 lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình bà đối với phần diện tích bị thu hồi và yêu cầu tuyên bố diện tích 55,7m^2 đất còn lại của gia đình bà đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ).

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh trình bày:

Căn cứ theo bản chứng nhận nhà, đất ngày 4/3/2019 của UBND phường D1, thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh xác nhận: Diện tích 850,7m^2 thuộc khu đo tỷ lệ 1/1000 gia đình ông Trần Danh F, bà Khúc Thị A đổ đất lấn hồ tháng 8/2017 để trồng cây. Thời điểm bắt đầu đổ đất đã bị UBND phường D1 lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/4/2014; UBND phường D1 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 248/QĐ-XPVPHC ngày 26/4/2014. Từ năm 2014 đến nay ông F cho người khác ở nhờ.

Căn cứ Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập, được UBND phường D1, đại diện tổ dân, khu phố 4B, và đại diện hộ dân ký xác nhận ngày 31/10/2018 thì phần diện tích thu hồi thuộc Quốc lộ 18A năm 2000 là 132,8m^2 đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1360/QĐ-UB ngày 30/5/2000.

Căn cứ theo khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định những trường hợp thu hồi đất mà không được bồi thường về đất "Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 77 của Luật này".

Theo Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

"1. Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho những trường hợp sau đây:

a) Người đang sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại các điều 100, 101 và 102 của Luật này;

b) Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất từ sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

c) Người được chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người nhận quyền sử dụng đất khi xử lý hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để thu hồi nợ;

d) Người được sử dụng đất theo kết quả hòa giải thành đối với tranh chấp đất đai; theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án hoặc quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành;

đ) Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất;

e) Người sử dụng đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

g) Người mua nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất;

h) Người được Nhà nước thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; người mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

i) Người sử dụng đất tách thửa, hợp thửa; nhóm người sử dụng đất hoặc các thành viên hộ gia đình, hai vợ chồng, tổ chức sử dụng đất chia tách, hợp nhất quyền sử dụng đất hiện có;

k) Người sử dụng đất đề nghị cấp đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận bị mất".

Như vậy, phần diện tích 872,7m^2 đất thuộc thửa 1/2/ĐC là Hồ tự nhiên do Nhà nước quản lý và 132,8m^2 đất đã được đền bù giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là GPMB) xây dựng công trình Quốc lộ 18A năm 2000 của gia đình ông F không thuộc trường hợp đất đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Điều 99 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, phần diện tích đất trên không được bồi thường, không được hỗ trợ. Từ những cơ sở trên, UBND thành phố A2 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố A2 trình bày:

Về nguồn gốc đất: Hộ ông, bà Trần Danh F - Khúc Thị A quản lý sử dụng thửa đất số 40/2/GPMB, cụ thể:

Tổng diện tích quản lý, sử dụng là 1.703,6m^2. Diện tích thu hồi vĩnh viễn Quốc lộ 18A năm 2000 là 132,8m^2. Diện tích thu hồi vĩnh viễn Quốc lộ 18A năm 2018 là 1.225,7m^2; trong đó, diện tích thuộc thửa 1/2/BĐĐC - Hồ tự nhiên là

872,7m^2, diện tích thuộc thửa 12/108/ BĐĐC - HTX M1 là 353m^2. Diện tích còn lại là 345,1m^2.

Căn cứ Bản chứng nhận nhà đất do UBND phường D1 lập ngày 4/3/2019 và Văn bản số 985/UBND ngày 17/11/2020, Văn bản số 25/UBND ngày 11/01/2021:

Diện tích 456,1m^2 thuộc thửa số 10 tờ Bản đồ GPMB số 4 (Bản đồ GPMB QL18A năm 1999): Đất gia đình ông Trần Danh F sử dụng để làm vườn trồng cây lâu năm từ trước năm 1993.

Diện tích 850,7m^2 thuộc khu đo tỷ lệ 1/1000 gia đình ông F đổ đất lấn hồ tháng 8/2017 để trồng cây. Thời điểm bắt đầu đổ đất đã bị UBND phường D1 lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/4/2014; UBND phường D1 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 248/QĐ-XPVPHC ngày 26/4/2014. Từ năm 2014 đến nay ông F cho người khác ở nhờ.

Diện tích còn lại thuộc khu đo tỷ lệ 1/1000 gia đình ông F đổ đất lấn hồ tháng 8/2017 để trồng cây. Thời điểm bắt đầu đổ đất đã bị UBND phường D1 lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/8/2017, UBND phường D1 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 114/QĐ-XPVPHC ngày 22/8/2017.

Số nhân khẩu trong hộ khẩu: Bà Khúc Thị A: Hưu trí; Trần Danh F: Hưu trí, Trần Danh G.

Theo Văn bản số 985/UBND ngày 17/11/2020 của UBND phường D1, có nội dung: Diện tích 353m^2 thuộc thửa 12 tờ bản đồ địa chính đo năm 1998 tên chủ sử dụng đất UBND phường A1 quản lý, phần diện tích này lại nằm trong tổng diện tích 456,1m^2 thuộc thửa đất số 10/4/GPMB (bản đồ GPMB QL 18A năm 1999) đã xác định: Đất của gia đình ông F sử dụng để làm vườn trồng cây lâu năm từ trước năm 1993. Quá trình sử dụng: Từ trước năm 1993 đến năm 2018, ông F quản lý và sử dụng làm vườn.

Theo Văn bản số 25/UBND ngày 11/01/2021 của UBND phường D1, có nội dung: Diện tích 353m^2 thuộc thửa đất mầu M số 12/108/BĐĐC (tên chủ sử dụng là HTX M1, tên thường gọi của HTX Nông nghiệp M2) do UBND phường quản lý. Năm 1998 khi đo bản đồ địa chính ông F vắng mặt không đứng tên kê

khai chủ sử dụng đất. Tại buổi đối thoại ngày 26/8/2019, ông F đã thống nhất với nội dung xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của UBND phường D1.

- Ông Trần Danh F (là chồng của bà Khúc Thị A) trình bày: Nhất trí với ý kiến của bà A, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính thẩm số 65/2022/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị A về yêu cầu hủy Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND thành phố A2 "Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Trần Danh F - Khúc Thị A thuộc diện GPMB dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao thông đường C1 với đường 18A đến cầu B1, thành phố A2" và bác yêu cầu buộc UBND thành phố A2 lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình bà Khúc Thị A đối với diện tích bị thu hồi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/8/2022, người khởi kiện là bà Khúc Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị B là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là bà Khúc Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Danh F giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của người khởi kiện, quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ông Nông Vũ E là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường D1, thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm; người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Việc thu hồi, bồi thường cho gia đình bà Khúc Thị A, ông Trần Danh F là đúng quy định, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị A là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng

[1] Ngày 13/10/2020, bà Khúc Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND thành phố A2, tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Danh F, bà Khúc Thị A; yêu cầu UBND thành phố A2 lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình bà A đối với phần diện tích bị thu hồi và xác định diện tích 55,7m^2 đất của gia đình bà A còn lại sau khi thu hồi đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Quyết định hành chính nêu trên là quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 5 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Bà A khởi kiện các quyết định hành chính nêu trên là trong thời hiệu khởi

kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Đối với Quyết định số 9680/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND thành phố A2 về việc thu hồi 1.225,7m^2 thuộc thửa đất số 40/GPMB2 của ông Trần Danh F, bà Khúc Thị A trú tại tổ 89, khu 8, phường A1, thành phố A2 để thực hiện công tác GPMB dự án Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường C1 với đường 18A đến cầu B1, thành phố A2 và các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 16307/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 260/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND thành phố A2 (sau đây viết tắt là Quyết định số 9680/QĐ-UBND ngày 19/11/2019, Quyết định số 16307/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 13/01/2021) không bị khiếu kiện nhưng là quyết định có liên quan đến quyết định bị khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các Quyết định này là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[3] Ngày 17/8/2022, bà A có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 và các quyết định có liên quan là Quyết định số 9680/QĐ-UBND ngày 19/11/2019, Quyết định số 16307/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 13/01/2021

[5] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

[5.1] Căn cứ Quyết định số 6700/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND thành phố A2 về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh tỷ lệ 1/500

Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao thông đường C1 với đường 18A đến cầu B1; Quyết định số 7618/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND thành phố A2 về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh cục bộ tỷ lệ 1/500 công trình Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường C1 với đường 18A đến cầu B1; Quyết định số 8822/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND thành phố A2 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ tỷ lệ 1/500 công trình Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường C1 với đường 18A đến cầu B1, thành phố A2; Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND thành phố A2 về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh cục bộ tỷ lệ 1/500 công trình Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường C1 với đường 18A đến cầu B1, thành phố A2; ngày 31/10/2018, UBND thành phố A2 có Thông báo số 648/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường C1 với đường 18A đến cầu B1, thành phố A2, và ngày 13/3/2019, UBND thành phố A2 ban hành Thông báo số 150/TB-UBND thông báo thu hồi đất bổ sung thực hiện Dự án.

[5.2] Ngày 19/11/2019, UBND thành phố A2 ban hành Quyết định số 9680/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 03 hộ dân phường D1, thành phố A2 với diện tích 2.176,7m^2 để GPMB thực hiện dự án Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường C1 với đường 18A đến cầu B1, thành phố A2 và Quyết định số 9684/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông F, bà A thuộc diện GPMB dự án Cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao thông đường C1 với đường 18A đến cầu B1, thành phố A2. Ngoài ra, UBND thành phố A2 còn ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 16307/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 260/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 cho hộ gia đình ông F, bà A.

[5.3] Như vậy, Quyết định số 9680/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND thành phố A2 về việc thu hồi đất và Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 16307/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số

260/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 cho hộ gia đình ông Trần Danh F, bà Khúc Thị A được ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 28, 52, 56 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các điều 62, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013.

[6] Về căn cứ ban hành quyết định:

[6.1] Hộ gia đình ông F, bà A quản lý sử dụng thửa đất số 40/2/GPMB có tổng diện tích là 1.703,6m^2. Trong đó, diện tích đất thu hồi vĩnh viễn khi cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A vào năm 2000 là 132,8m^2; diện tích thu hồi vĩnh viễn khi cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A năm 2018 là 1.225,7m^2. Trong diện tích 1.225,7m^2 thu hồi vĩnh viễn khi cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A năm 2018, có diện tích thuộc thửa 1/2/BĐĐC - Hồ tự nhiên là 872,7m^2, diện tích thuộc thửa 12/108/BĐĐC - HTX M1 là 353m^2, diện tích còn lại là 345,1m^2.

[6.2] Tại Bản chứng nhận nhà đất do UBND phường D1, thành phố A2 lập ngày 04/3/2019 và Văn bản số 985/UBND ngày 17/11/2020, Văn bản số 25/UBND ngày 11/01/2021 xác định: Diện tích 850,7m^2 thuộc khu đo tỷ lệ 1/1000 gia đình ông F đổ đất lấn hồ tháng từ sau năm 2004 đến trước năm 2014 để trồng cây; thời điểm tháng 4/2014 gia đình ông F xây dựng nhà cấp 4 đã bị UBND phường D1 lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/4/2014 và UBND phường D1 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 248/QĐ-XPVPHC ngày 26/4/2014. Diện tích còn lại thuộc khu đo tỷ lệ 1/1000 gia đình ông F đổ đất lấn hồ tháng 8/2017 để trồng cây; thời điểm bắt đầu đổ đất đã bị UBND phường D1 lập biên bản vi phạm hành chính ngày 21/8/2017 và UBND phường D1 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 114/QĐ-XPVPHC ngày 22/8/2017. Do đó, phần diện tích 872,7m^2 đất thuộc thửa 1/2/ĐC là Hồ tự nhiên do Nhà nước quản lý, không thuộc trường hợp đất đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và theo quy định tại khoản 4 Điều 82, Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013 thì khi bị Nhà nước thu hồi không được bồi thường, không được hỗ trợ.

[6.3] Theo Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập, được UBND phường D1, đại diện tổ dân, khu phố 4B và đại diện hộ dân ký xác nhận ngày 31/10/2018 thì phần

diện tích 132,8m^2 đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1360/QĐ-UB ngày 30/5/2000 khi thu hồi khi cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A năm 2000 nên đến nay phần diện tích đất này không được bồi thường, không được hỗ trợ.

[6.3] Theo Văn bản số 985/UBND ngày 17/11/2020 của UBND phường D1 có nội dung: Diện tích 353m^2 thuộc thửa 12, tờ bản đồ địa chính đo năm 1998 tên chủ sử dụng đất UBND phường A1 quản lý, phần diện tích này nằm trong tổng diện tích 456,1m^2 thuộc thửa đất số 10/4/GPMB (Bản đồ GPMB QL 18A năm 1999) đã xác định đất của gia đình ông F sử dụng để làm vườn trồng cây lâu năm từ trước năm 1993. Từ trước năm 1993 đến năm 2018, ông F quản lý và sử dụng làm vườn. Theo Văn bản số 25/UBND ngày 11/01/2021 của UBND phường D1 có nội dung là diện tích 353m^2 thuộc thửa đất mầu M số 12/108/BĐĐC (tên chủ sử dụng là HTX M1, tên thường gọi của HTX Nông nghiệp M2) do UBND phường quản lý. Năm 1998 khi đo bản đồ địa chính, ông F vắng mặt không đứng tên kê khai chủ sử dụng đất. Tại buổi đối thoại ngày 26/8/2019, ông F đã thống nhất với nội dung xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của UBND phường D1. Diện tích 353m^2 đã được UBND thành phố A2 ban hành Phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 13/01/2021.

[6.4] Như vậy, Quyết định số 9684/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và các Quyết định số 16307/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định phê duyệt số 260/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ gia đình ông F, bà A là đúng quy định của pháp luật.

[7] Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà A, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Do vậy, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là bác kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên được

chấp nhận.

[10] Bà A không được chấp nhận kháng cáo nhưng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Khúc Thị A, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2022/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Khúc Thị A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND CC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Tuấn